

Bản án số: 74/2020/HS-ST
Ngày: 27-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sang;

Thẩm phán thành viên: Ông Bùi Ngọc Thạch;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thành Luyện;

2. Bà Trần Thị Đẹp;

3. Bà Lê Thị Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa sơ thẩm, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 78/2020/TLST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Thái Thị Kim N, sinh năm 1988 tại tỉnh Bình Dương; nơi thường trú: khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Văn B(chết) và bà Nguyễn Thị H; bị cáo có chồng là Phan Văn K(đã ly hôn); bị cáo có 01 người con sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29-02-2020 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Thái Thị Kim N: ông Nguyễn Bảo K- Luật sư Công ty Luật TNHH B.C.M, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, có mặt.

Bị hại: ông Nguyễn Tư L, sinh năm 1988; địa chỉ: Số 330/5 đường Thuận A, khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: ông Đỗ Hoàng K, sinh năm 1998; địa chỉ: khu phố B1, phường G, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp của ông Đỗ Hoàng K: ông Nguyễn Thành N, sinh năm

1974, địa chỉ: khu phố B1, phường G, thành phố T, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 27-8-2020), có mặt.

Người làm chứng:

1. Bà Ngô Thùy L, sinh năm 1984, có mặt;
2. Ông Hồ Quang M, sinh năm 1967, có mặt;
3. Bà Vương Cẩm H, sinh năm 1980, có mặt;
4. Bà Võ Thị Cẩm V, sinh năm 1971, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thái Thị Kim N đứng tên thửa đất số 706, tờ bản đồ 16 diện tích 322 m² tọa lạc tại phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ827044 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) B cấp ngày 26- 4- 2006 (gọi tắt là thửa đất 706).

Thái Thị Kim N có mối quan hệ quen biết với bà Võ Thị Cẩm V (sinh năm 1971, cư trú tại số 772, đường Nguyễn Chí T, phường N, thành phố M, tỉnh Bình Dương), Thái Thị Kim N nhiều lần mượn tiền bà Võ Thị Cẩm V với tổng số tiền khoảng 100.000.000 đồng và hứa hẹn khi nào bán được thửa đất 706 sẽ trả tiền cho bà Võ Thị Cẩm V. Khoảng đầu tháng 5 năm 2018, Thái Thị Kim N liên hệ bà Võ Thị Cẩm V nhờ tìm người mua thửa đất 706, do bà Võ Thị Cẩm V biết ông Hồ Quang M (sinh năm 1967, cư trú tại ấp 2, xã Q, huyện R, tỉnh Đồng Tháp) là môi giới bất động sản nên bà Võ Thị Cẩm V liên hệ với ông Hồ Quang M nhờ ông Hồ Quang M tìm người mua thửa đất 706 của Thái Thị Kim N

Khoảng đầu tháng 6 năm 2018, ông Hồ Quang M tìm được khách có nhu cầu mua thửa đất 706 là ông Đỗ Hoàng K (sinh năm 1988 cư trú tại khu phố B1, phường G, thành phố T, tỉnh Bình Dương). Sau khi thỏa thuận Thái Thị Kim N đồng ý bán thửa đất 706 cho ông Đỗ Hoàng K với giá 850.000.000 đồng (tám trăm năm mươi triệu đồng). Ngày 09-7-2018, Thái Thị Kim N và ông Đỗ Hoàng K đến văn phòng công chứng I ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 009005, Thái Thị Kim N nhận đủ số tiền theo Hợp đồng là 850.000.000 đồng (tám trăm năm mươi triệu đồng), Thái Thị Kim N đã giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 706 cho ông Đỗ Hoàng K để làm thủ tục theo quy định.

Sau khi lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất 706 cho ông Đỗ Hoàng K, Thái Thị Kim N dùng thủ đoạn gian dối tiếp tục nhờ bà Võ Thị Cẩm V tìm người mua thửa đất 706, do tin tưởng Thái Thị Kim N nên bà Võ Thị Cẩm V tiếp tục liên hệ với ông Hồ Quang M để tìm người mua thửa đất 706.

Đầu tháng 9 năm 2018, ông Hồ Quang M tìm được người có nhu cầu mua thửa đất 706 là ông Nguyễn Tư L (sinh năm 1988, cư trú tại số 330/5 đường Thuận A, khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương). Ngày 16-9-2018, ông Hồ Quang M cùng Thái Thị Kim N ký Giấy biên nhận đặt cọc có người làm chứng là bà Ngô Thị Thùy L (sinh năm 1984, cư trú tại khu phố 2, phường N, thành phố M, tỉnh Bình Dương) mua thửa đất 706 với số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng). Sau khi thỏa thuận xong, ông Nguyễn Tư L chuyển 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) đến tài khoản số 5507205001550 của Thái Thị Kim N tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Sở Sao. Đồng thời, thỏa thuận với Thái Thị Kim N ngày 16-10-2018 sẽ ký Hợp đồng chuyển nhượng tại Văn phòng công chứng và giao đủ số tiền còn lại. Trong khoảng thời gian từ ngày 16-9-2018 đến ngày 26-10-2018, Thái Thị Kim N nhiều lần nêu hoàn cảnh khó khăn và yêu cầu ông Nguyễn Tư L thanh toán thêm tiền, tổng cộng ông Nguyễn Tư L đã giao cho Thái Thị Kim N 09 lần với tổng số tiền 710.000.000 đồng (bảy trăm mười triệu đồng) nhưng đến ngày hẹn (31-10-2018) Thái Thị Kim N không đến Văn phòng công chứng như thỏa thuận và bỏ đi khỏi nơi cư trú.

Ngày 05-12-2018, ông Nguyễn Tư L khởi kiện Thái Thị Kim N ra Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương; ngày 31-5-2019, ông Nguyễn Tư L làm đơn tố giác Thái Thị Kim N đến Công an thị xã B, tỉnh Bình Dương. Ngày 26-9-2019, Tòa án nhân dân thị xã B có công văn đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương khởi tố vụ án.

Quá trình điều tra, Thái Thị Kim N không thừa nhận hành vi phạm tội. Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 706, sau khi ký Hợp đồng chuyển nhượng Thái Thị Kim N đã giao ông Đỗ Hoàng K quản lý và sử dụng. Do Thái Thị Kim N bị ông Nguyễn Tư L tố cáo hành vi lừa đảo nên hiện tại ông Đỗ Hoàng K chưa hoàn thành được việc chuyển quyền sử dụng thửa đất 706.

Về trách nhiệm dân sự: ông Nguyễn Tư L yêu cầu Thái Thị Kim N phải trả lại số tiền 710.000.000 đồng (bảy trăm mười triệu đồng).

Tại Cáo trạng số 18/CT-VKS-P1 ngày 09-6-2020 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố Thái Thị Kim N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quyết định cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Thái Thị Kim N, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt bị cáo Thái Thị Kim N từ 13 đến 14 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Thái Thị Kim N phải bồi thường cho ông Nguyễn Tư L số tiền 710.000.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo Thái Thị Kim N trình bày lời bào chữa:

Người bào chữa không tranh luận về tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố đối với bị cáo Thái Thị Kim N, Người bào chữa chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh gia đình của bị cáo: còn mẹ già, con nhỏ, bị cáo đã ly hôn và là người trực tiếp nuôi con, bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thấp hơn mức đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Bị hại Nguyễn Tư L trình bày ý kiến tranh luận: bị hại đồng ý với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không tranh luận, mặc dù bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình nhưng xét thấy hoàn cảnh bị cáo còn con nhỏ nên bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh khó khăn của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa, bị hại không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa bị cáo Thái Thị Kim N không thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai trong quá trình điều tra cũng như kết quả xét hỏi, đối chất công khai tại phiên tòa giữa bị hại Nguyễn Tư L, những người làm chứng Ngô Thùy L, Hồ Quang M, Vương Cẩm H, Võ Thị Cẩm V và bị cáo; căn cứ Kết luận giám định số 514 ngày 13-12-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Thái Thị Kim N có một thửa đất 706 (tọa lạc tại phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương), ngày 09-7-2018 Thái Thị Kim N đã chuyển nhượng cho ông Đỗ Hoàng K với giá 850.000.000 đồng, Thái Thị Kim N nhận đủ tiền và giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 706 cho ông Đỗ Hoàng K làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định. Sau khi bán thửa đất 706 cho ông Đỗ Hoàng K, Thái Thị Kim N tiếp tục nhờ bà Võ Thị Cẩm V tìm người mua thửa đất 706. Thái Thị Kim N nói dối với bà Võ Thị Cẩm V là ông Đỗ Hoàng K không mua đất nữa; nói dối với bà C (chị ông Đỗ Hoàng K) rằng bà Võ Thị Cẩm V là chủ

nợ cho vay lãi nặng mà Thái Thị Kim N đã vay nên khi nào bà Võ Thị Cẩm V điện thoại hãy trả lời giúp Thái Thị Kim N là ông Đỗ Hoàng K không mua đất nữa. Bà Võ Thị Cẩm V điện thoại cho bà C được bà C trả lời như Thái Thị Kim N yêu cầu nên bà Võ Thị Cẩm V tiếp tục liên hệ với ông Hồ Quang M để tìm người mua thửa đất 706. Sau khi ông Hồ Quang M tìm được người mua là ông Nguyễn Tư L, ngày 16-9-2018, Thái Thị Kim N tiếp tục ký Giấy biên nhận đặt cọc bán thửa đất 706 cho ông Nguyễn Tư L với giá 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng), cùng ngày ông Nguyễn Tư L đã chuyển khoản cho Thái Thị Kim N 100.000.000 đồng và hẹn ngày 16-10-2018 sẽ đến Văn phòng công chứng lập hợp đồng chuyển nhượng thửa đất. Từ ngày 17-9-2018 đến ngày 26-10-2018, Thái Thị Kim N tiếp tục yêu cầu ông Nguyễn Tư L thanh toán và hẹn đến ngày 31-10-2018 sẽ làm thủ tục công chứng, tổng cộng Thái Thị Kim N nhận từ ông Nguyễn Tư L là 710.000.000 đồng. Đến ngày 31-10-2018, Thái Thị Kim N không đến công chứng và bỏ đi khỏi nơi cư trú không liên lạc được.

Hành vi của Thái Thị Kim N dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Tư L tổng số tiền 710.000.000 đồng, bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, do vậy, hành vi bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo với tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ đúng pháp luật.

[2.2] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo nhận thức rõ hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi bị cáo vẫn cố ý thực hiện, bất chấp hậu quả. Sau khi phạm tội, bị cáo đã bỏ đi khỏi địa phương gây khó khăn cho việc điều tra, xử lý tin báo tố giác tội phạm. Hiện nay trên địa bàn tỉnh Bình Dương, tội phạm xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản liên quan đến quyền sử dụng đất ngày càng gia tăng và diễn biến phức tạp, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện tội phạm nhằm có tác dụng giáo dục, trừng trị đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không thành khẩn khai báo, chưa ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo. Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Tư L có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo.

[5] Đối chiếu với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Người bào chữa đề nghị xử phạt bị cáo dưới mức hình phạt mà Viện Kiểm sát đề nghị là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Tư L đề nghị bị cáo bồi thường cho bị hại tổng số tiền đã chiếm đoạt 710.000.000 đồng; yêu cầu của bị hại là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo Thái Thị Kim N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 329, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Thái Thị Kim N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt: bị cáo Thái Thị Kim N 13 (mười ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29-02-2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Thái Thị Kim N có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Tư L số tiền 710.000.000 (bảy trăm mười triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Thái Thị Kim N phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 32.400.000 (ba mươi hai triệu bốn trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại TP. HCM; 1
- VKSND tỉnh Bình Dương; 1
- Phòng PC01 - Công an tỉnh BD; 1
- Phòng PV06 - Công an tỉnh BD; 1
- Cục THADS tỉnh Bình Dương; 1
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; 1
- Bị cáo; Người bào chữa; bị hại, người 4
liên quan;
- Trại tạm giam Công an tỉnh BD; 2
- Lưu: HSVA, Tòa HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Sang